

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN RÒNG BIÊN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI – NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI VIỆT NAM

COMMERCIAL BANK NET INTEREST MARGINS - AN EXPERIMENTAL STUDY IN VIETNAM

Bùi Ngọc Toàn

Trường Đại học Công nghiệp Tp. HCM; buitoan.hui@gmail.com

Tóm tắt - Mục đích của nghiên cứu này là xác định các yếu tố tác động đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Dữ liệu sử dụng cho bài nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo tài chính của 16 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2015. Nghiên cứu áp dụng các phương pháp hồi quy trên dữ liệu bảng, bao gồm: phương pháp pooled regression (POLS), fixed effects model (FEM) và random effects model (REM). Sau đó, nghiên cứu áp dụng phương pháp bình phương bé nhất tổng quát khả thi (FGLS) để đảm bảo tính vững và hiệu quả của mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP), tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản (LOAN), tỷ lệ thanh khoản (LIQ), tỷ lệ lạm phát (INF) tác động đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên của các ngân hàng thương mại.

Từ khóa - lợi nhuận ngân hàng; mô hình hồi quy; ngân hàng thương mại; tỷ suất lợi nhuận ròng biên; Việt Nam.

Abstract - The purpose of this research is to determine the factors that affect the net interest margins of commercial banks in Vietnam. The data used for the research were collected from the financial reports of 16 commercial banks in Vietnam during the period 2008-2015. The research applies the panel data regression models, including the pooled regression model (POLS), the fixed effect model (FEM) and the random effect model (REM). Next, the research employs the feasible generalized least squares (FGLS) technique to ensure the viability and effectiveness of the research model. The research result shows that the equity to total capital ratio (CAP), the loans to total assets ratio (LOAN), the liquidity ratio (LIQ), and the inflation ratio (INF) have an impact on the net interest margin of commercial banks.

Key words - bank profits; regression model; commercial banks; net interest margin; Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong thời gian vừa qua, với chính sách đổi mới kinh tế, các ngân hàng thương mại Việt Nam đã có những thay đổi to lớn và ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường. Khi nền kinh tế hội nhập, các ngân hàng thương mại Việt Nam sẽ được đón nhận nhiều cơ hội, ngoài ra những thách thức gặp phải cũng không nhỏ, đòi hỏi các ngân hàng phải không ngừng tự hoàn thiện mình để có thể tận dụng những cơ hội cũng như nâng cao năng lực để trải qua những thách thức này. Tỷ suất lợi nhuận ròng biên là một trong những tiêu chí quan trọng để khẳng định năng lực của mỗi ngân hàng (Albertazzi & Gambacorta, 2009). Tỷ suất lợi nhuận ròng biên có thể giúp các ngân hàng nâng cao năng lực, khả năng chịu đựng trước khủng hoảng tài chính và tạo thêm giá trị cho nền kinh tế (Aburime, 2009). Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tỷ suất lợi nhuận ròng biên của các ngân hàng Việt Nam vẫn khá thấp, nhất là trong hai năm 2012-2013. Sự biến động của tỷ suất lợi nhuận ròng biên có thể do tác động từ nhiều yếu tố thuộc đặc điểm ngân hàng và yếu tố bên ngoài (Syafri, 2012). Nhằm xác định những yếu tố và mức độ tác động của những yếu tố này đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, tác giả đã tiến hành nghiên cứu thực nghiệm với dữ liệu thu thập được của 16 Ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2008-2015.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô hình nghiên cứu

Tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM) được xác định bằng cách lấy lợi nhuận ròng chia cho tài sản có sinh lời của ngân hàng (Berger, 1995). Tài sản có sinh lời bao gồm tiền gửi tại ngân hàng nhà nước, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, chứng khoán đầu tư và cho vay khách

hàng. Khả năng sinh lợi nói chung và đặc biệt là tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng (NIM) đã được khá nhiều tác giả tiến hành nghiên cứu tại các nền kinh tế và khu vực khác nhau, dưới đây là phần tóm lược nội dung của một số nghiên cứu:

Khravish và các cộng sự (2008) khi nghiên cứu sự tác động của các yếu tố đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM) tại các ngân hàng ở Jordan trong giai đoạn 1992-2005 đã cho thấy, tỷ lệ vốn chủ sở hữu và tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản tác động có ý nghĩa thống kê đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên.

Bashir (2000) đã nghiên cứu các yếu tố tác động đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng tại tám quốc gia ở khu vực Trung Đông trong giai đoạn 1993 - 1998. Kết quả cũng chỉ ra rằng, tỷ lệ vốn chủ sở hữu và tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản tác động có ý nghĩa thống kê đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng.

Trong khi đó, Scott & Arias (2011) cho rằng, tỷ lệ vốn chủ sở hữu và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (GDP) có tác động đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên tại năm ngân hàng lớn tại Mỹ.

Nimer và các cộng sự (2013) đã tìm thấy tác động có ý nghĩa thống kê của tỷ lệ thanh khoản lên tỷ suất lợi nhuận tại 15 ngân hàng của Jordan trong giai đoạn 2005-2011.

Gần đây, Saeed (2014) đã nghiên cứu dữ liệu của 73 ngân hàng thương mại tại Anh trong giai đoạn 2006-2012. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, tỷ lệ vốn chủ sở hữu và tỷ lệ tăng trưởng GDP tác động có ý nghĩa thống kê đến tỷ suất lợi nhuận của ngân hàng.

Dựa vào kết quả của các nghiên cứu trước, tác giả tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu định lượng để tìm ra sự tác động của một số yếu tố đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM) tại các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Căn cứ vào các nghiên cứu trước cho thấy, tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng (NIM) bị tác động chủ yếu bởi các yếu tố: tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn, tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản, tỷ lệ thanh khoản, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (GDP). Ngoài ra, tác giả tiến hành bổ sung thêm biến tỷ lệ lạm phát vào nghiên cứu, đây là biến phản ánh tình hình kinh tế vĩ mô và được tác giả kỳ vọng sẽ ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM) của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Việc thêm biến tỷ lệ lạm phát vào nghiên cứu nhằm phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam, đồng thời tạo tính mới của đề tài. Biến này cũng được Khrawish và các cộng sự (2008) đưa vào nghiên cứu, nhưng không tìm thấy tác động có ý nghĩa thống kê.

Mô hình nghiên cứu dự kiến có phương trình như sau:

$$NIM_{it} = \beta_0 + \beta_1 CAP_{it} + \beta_2 LOAN_{it} + \beta_3 LIQ_{it} + \beta_4 GDP_t + \beta_5 INF_t + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:
Biến phụ thuộc NIM_{it} : tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng hàng i năm t;

Các biến độc lập: tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn ngân hàng i năm t (CAP_{it}); tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản ngân hàng i năm t ($LOAN_{it}$); tỷ lệ thanh khoản ngân hàng i năm t (LIQ_{it}); tỷ lệ tăng trưởng kinh tế năm t (GDP_t); tỷ lệ lạm phát năm t (INF_t).

Bảng 1. Các biến sử dụng trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Cách đo lường biến
Biến phụ thuộc	
Tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM_{it})	Lợi nhuận ròng ngân hàng i năm t / Tài sản sinh lời bình quân ngân hàng i năm t
Các biến độc lập	
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP_{it})	Vốn chủ sở hữu bình quân ngân hàng i năm t / Nguồn vốn bình quân ngân hàng i năm t
Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản ($LOAN_{it}$)	Dư nợ bình quân ngân hàng i năm t / Tài sản bình quân ngân hàng i năm t
Tỷ lệ thanh khoản (LIQ_{it})	Tài sản có tính thanh khoản bình quân ngân hàng i năm t / Tài sản bình quân ngân hàng i năm t
Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (GDP_t)	Dữ liệu được thu thập từ website của World Bank
Tỷ lệ lạm phát (INF_t)	Dữ liệu được thu thập từ website của World Bank

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ các báo cáo tài chính đã kiểm toán được công bố trên website của 16 ngân hàng thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2015. Sau khi dữ liệu được thu thập, tác giả thực hiện bước tiếp theo là tính toán (theo số liệu bình quân các năm) những biến dựa trên số liệu thu thập được từ báo cáo tài chính. Riêng biến tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (GDP) và tỷ lệ lạm phát (INF) được tác giả thu thập từ website của World Bank.

2.3. Phương pháp phân tích

Bài nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng thông qua hồi quy tuyến tính đa biến để lượng hóa sự tác động của các

biến độc lập lên biến phụ thuộc trong mô hình. Trước tiên, nghiên cứu sẽ kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình thông qua hệ số nhân tử phóng đại phương sai (VIF), nếu hệ số VIF lớn hơn hoặc bằng 10 thì hiện tượng đa cộng tuyến được đánh giá là nghiêm trọng (Gujrati, 2003). Tiếp theo đó, nghiên cứu tiến hành kiểm định hiện tượng tự tương quan và hiện tượng phương sai của sai số thay đổi. Nếu không có hiện tượng tự tương quan và phương sai của sai số thay đổi thì nghiên cứu sẽ sử dụng các phương pháp hồi quy thông thường trên dữ liệu bảng. Tuy nhiên, nếu có hiện tượng tự tương quan và phương sai của sai số thay đổi thì nghiên cứu sẽ chuyển sang phương pháp bình phương bé nhất tổng quát khả thi (Feasible General Least Square – FGLS). Wooldridge (2002) cho rằng, phương pháp này rất hữu dụng khi kiểm soát được hiện tượng tự tương quan và hiện tượng phương sai của sai số thay đổi.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thống kê mô tả

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 16 ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2008-2015 với các biến số được mô tả trong Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Thống kê mô tả các biến

Biến	Số quan sát	Trung bình	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
NIM	128	0,0323	0,0142	0,0681
CAP	128	0,1014	0,0426	0,3563
LOAN	128	0,5303	0,2253	0,8517
LIQ	128	0,2182	0,0455	0,5059
GDP	128	0,0588	0,0525	0,0668
INF	128	0,0976	0,0063	0,2312

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Từ kết quả thống kê mô tả cho thấy, các biến trong mô hình ước lượng đều thu đủ dữ liệu với 128 quan sát. Tỷ suất lợi nhuận ròng biên cao nhất là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (vào năm 2011), thấp nhất là Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (vào năm 2014). Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đạt giá trị cao nhất là Ngân hàng TMCP Kiên Long (vào năm 2008), thấp nhất là Ngân hàng TMCP Á Châu (vào năm 2011). Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản cao nhất là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (năm 2008) và thấp nhất là Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam vào năm 2014. Tỷ lệ thanh khoản đạt giá trị cao nhất là Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, thấp nhất là Ngân hàng TMCP Quốc tế vào năm 2008. Đối với yếu tố kinh tế vĩ mô, tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đạt cao nhất là năm 2015, tỷ lệ lạm phát đạt cao nhất vào năm 2008.

3.2. Phân tích tương quan

Hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình được mô tả ở Bảng 3.

Dựa vào Bảng 3 ta thấy: Các biến CAP_{it} , $LOAN_{it}$ và INF_t tác động cùng chiều lên NIM_{it} ; trong khi đó biến LIQ_{it} và GDP_t tác động ngược chiều lên NIM_{it} . Không có hiện tượng đa cộng tuyến nghiêm trọng (tự tương quan

giữa các biến độc lập trong mô hình) do các hệ số tương quan có giá trị khá thấp (*giá trị cao nhất là 0,58, chuẩn so sánh theo Farrar & Glauber (1967) là 0,8*). Kết quả phân tích tương quan trên phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước trên thế giới và phù hợp với kỳ vọng của tác giả trong giai đoạn nghiên cứu này tại Việt Nam.

Bảng 3. Hệ số tương quan giữa các biến

	NIM	CAP	LOAN	LIQ	GDP	INF
NIM	1,00					
CAP	0,36	1,00				
LOAN	0,34	0,14	1,00			
LIQ	-0,34	-0,06	-0,58	1,00		
GDP	-0,08	-0,09	0,01	-0,14	1,00	
INF	0,13	0,18	-0,11	0,35	-0,17	1,00

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

3.3. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Bảng 4. Kết quả kiểm định VIF, phương sai của sai số thay đổi và tự tương quan

Kiểm định VIF			Kiểm định phương sai của sai số thay đổi	Kiểm định tự tương quan
Biến	VIF	1/VIF	White's test	Wooldridge test
LIQ	1,77	0,5649	Chi2 (20) = 27,07	F (1, 15) = 31,624
LOAN	1,57	0,6359		
INF	1,23	0,8163		
CAP	1,07	0,9309		
GDP	1,05	0,9489		
Giá trị trung bình = 1,34			Prob > chi2 = 0,1332	Prob > F = 0,0000*

Ghi chú: * có ý nghĩa tương ứng ở mức 1%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến bằng hệ số nhân từ phóng đại phương sai cho kết quả $VIF < 10$, do đó hiện tượng đa cộng tuyến được đánh giá là không nghiêm trọng. Kiểm định White cho thấy mô hình nghiên cứu không có hiện tượng phương sai của sai số thay đổi với mức ý nghĩa 10%. Kiểm định Wooldridge cho thấy mô hình nghiên cứu có hiện tượng tự tương quan với mức ý nghĩa 1%.

3.4. Kết quả hồi quy và thảo luận

Tiếp theo, nghiên cứu áp dụng các phương pháp hồi quy trên dữ liệu bảng, bao gồm: pooled regression (POLS), fixed effects model (FEM) và random effects model (REM). Kết quả nghiên cứu cho thấy phương pháp hồi quy random effects model (REM) tỏ ra phù hợp hơn do kiểm định $F(15, 107) = 3,01$ có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%, kiểm định Hausman $chi2(5) = 3,27$ không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10%. Tuy nhiên, mô hình nghiên cứu có hiện tượng tự tương quan giữa các sai số, hiện tượng này có thể được kiểm soát bằng phương pháp bình phương bé nhất tổng quát khả thi

(FGLS) nhằm đảm bảo ước lượng thu được vững và hiệu quả (căn cứ theo Wooldridge (2002)). Kết quả các mô hình nghiên cứu như sau:

Bảng 5. Kết quả mô hình nghiên cứu

NIM	Hệ số hồi quy			
	POLS	FEM	REM	FGLS
Hằng số	0,0334*	0,0379*	0,0346*	0,0244**
CAP	0,0603*	0,0242	0,0439**	0,0579*
LOAN	0,0109	0,0094	0,0108	0,0199**
LIQ	-0,0352*	-0,0322*	-0,0319*	-0,0187***
GDP	-0,1388	-0,1564	-0,1434	-0,1314
INF	0,0294**	0,0319*	0,0298*	0,0256*
R2	29,19%	27,22%	28,92%	
F-test	F(5, 122) = 10,06	F(5, 107) = 4,81	Wald chi2(5) = 35,25	Wald chi2(5) = 39,79
	Prob > F = 0,00*	Prob > F = 0,00*	Prob > chi2 = 0,00*	Prob > chi2 = 0,00*

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa tương ứng ở mức 1%, 5% và 10%

Nguồn: Kết quả phân tích của tác giả

Với biến phụ thuộc là tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng (NIM_{it}), sau khi dùng phương pháp FGLS để khắc phục hiện tượng tự tương quan giữa các sai số, ta có kết quả nghiên cứu như sau: Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP_{it}) tác động cùng chiều mạnh nhất (0,0579), tỷ lệ lạm phát (INF_t) tác động cùng chiều (0,0256), tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản ($LOAN_{it}$) tác động cùng chiều (0,0199), tỷ lệ thanh khoản (LIQ_{it}) tác động ngược chiều (-0,0187) đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng (NIM_{it}). Tuy nhiên, với bộ dữ liệu thu thập được, tác giả chưa tìm thấy tác động có ý nghĩa thống kê của tỷ lệ tăng trưởng kinh tế (GDP_t) đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên của ngân hàng.

- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP_{it})

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP_{it}) tác động có ý nghĩa thống kê lên tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM_{it}) của các ngân hàng thương mại Việt Nam với mức ý nghĩa 1%. CAP_{it} tác động cùng chiều lên NIM_{it} vì trong giai đoạn này nền kinh tế gặp khó khăn, các ngân hàng thương mại có xu hướng nâng cao tỷ lệ vốn chủ sở hữu để tăng khả năng chịu đựng trước các rủi ro tài chính, các ngân hàng sẽ chủ động trong các hoạt động hơn, điều này giúp cho tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM_{it}) của các ngân hàng sẽ gia tăng. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của Bashir (2000), Khrawish và các cộng sự (2008), Scott & Arias (2011), Saeed (2014).

- Tỷ lệ lạm phát (INF_t)

Tỷ lệ lạm phát (INF_t) tác động cùng chiều và có ý nghĩa đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM_{it}) của các ngân hàng thương mại Việt Nam với mức ý nghĩa 1%. Sở dĩ có kết quả trên vì trong giai đoạn này, tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam giảm sút, tuy nhiên việc cho vay chưa được cải thiện nhiều, tốc độ tăng của tỷ suất lợi nhuận ngân hàng không cao (thậm chí còn giảm mạnh vào năm 2012 – 2013).

- Tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản ($LOAN_{it}$)

$LOAN_{it}$ tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê

lên tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM_{it}) của các ngân hàng thương mại Việt Nam với mức ý nghĩa 5%. Kết quả này cho thấy rằng, khi tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản gia tăng sẽ tạo ra nguồn thu nhập làm tăng tỷ suất lợi nhuận của các ngân hàng thương mại. Điều này cũng tìm thấy tương tự trong các nghiên cứu của Bashir (2000), Khrawish và các cộng sự (2008).

- Tỷ lệ thanh khoản (LIQ_{it})

Tỷ lệ thanh khoản (LIQ_{it}) tác động ngược chiều lên tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM_{it}) của các ngân hàng thương mại Việt Nam và có ý nghĩa với mức ý nghĩa 10%. Kết quả này có thể được giải thích: Khi tỷ lệ thanh khoản của ngân hàng tăng lên, ngân hàng có thể mất đi một số hoạt động đầu tư sinh lợi, điều này dẫn đến tỷ suất lợi nhuận giảm. Kết quả này cũng tìm thấy tương tự trong các nghiên cứu của Nimer và ctg (2013).

4. Kết luận

Bài nghiên cứu kiểm định sự tác động của một số yếu tố đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM) tại 16 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2008 – 2015. Tác giả đã áp dụng các phương pháp hồi quy trên dữ liệu bảng, bao gồm: pooled regression (POLS), fixed effects model (FEM), random effects model (REM), tiếp đó là phương pháp bình phương bé nhất tổng quát khả thi (FGLS) nhằm đảm bảo ước lượng thu được vững và hiệu quả. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ suất lợi nhuận ròng biên bị tác động bởi tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn (CAP), tỷ lệ dư nợ cho vay trên tổng tài sản (LOAN), tỷ lệ thanh khoản (LIQ), tỷ lệ lạm phát (INF). Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp các cơ quan quản lý, ngân hàng thương mại, nhà đầu tư nhận định một cách rõ hơn về sự tác động của một số yếu tố đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên (NIM). Kết quả này là bằng chứng thực nghiệm của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, do đó mang lại giá trị thiết thực đối với ngành ngân hàng ở nước ta. Ngoài ra, tác giả đã tìm thấy sự tác động có ý nghĩa thống kê của tỷ lệ lạm phát đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên, đây cũng chính là điểm mới của bài viết so với các

nghiên cứu trước đây. Với kết quả này, bài nghiên cứu đã đạt được mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, bài nghiên cứu còn gặp hạn chế như số lượng ngân hàng đưa vào nghiên cứu còn ít (do đặc thù của ngành ngân hàng tại Việt Nam), chưa xét đến một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận ròng biên như tỷ giá hối đoái, một số yếu tố thuộc đặc điểm ngành ngân hàng,... Đây cũng là hướng nghiên cứu cho các bài nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aburime, "Impact of Political Affiliation on Bank Profitability in Nigeria", *African Journal of Accounting, Economics, Finance and Banking Research*, 4 (4), 61-75, 2009.
- [2] Albertazzi & Gambacorta, "Bank profitability and the business cycle", *Journal of Financial Stability*, 5, 393-409, 2009.
- [3] Bashir, "Assessing the Performance of Islamic Banks: Some Evidence from the Middle East", *Paper presented at the ERF 8th meeting in Jordan*, 2000.
- [4] Berger, "The Profit-Structure Relationship in Banking-Tests of Market-Power and Efficient-Structure Hypotheses", *Journal of Money, Credit, and Banking*, Vol. 27, No. 2, pp: 404-431, 1995.
- [5] Farrar & Glauber, "Multicollinearity in Regression Analysis: The Problem Revisited", *Review of Economics and Statistics*, Vol.49, pp.92-107, 1967.
- [6] Gujarati, "Basic Econometrics (4th edn)", *New York: McGraw-Hill*, 2003.
- [7] Khrawish, Al-Abadi, Hejazi, "Determinants of Commercial Bank Interest Rate Margins: Evidence from Jordan", *Jordan Journal of Business Administration*, Volume 4, No. 4, 2008.
- [8] Nimer, Warrad, Omari, "The Impact of Liquidity on Jordanian Banks Profitability through Return on Assets", *Institute of Interdisciplinary Business Research*, 2013.
- [9] Saeed, "Bank-related, Industry-related and Macroeconomic Factors Affecting Bank Profitability: A Case of the United Kingdom", *Research Journal of Finance and Accounting*. Vol.5, No.2, 2014.
- [10] Syafri, "Factors Affecting Bank Profitability in Indonesia", *The 2012 International Conference on Business and Management*, 2012.
- [11] Scott & Arias, "Banking profitability determinants", *Business Intelligence Journal - July*, Vol.4 No.2, 2011.
- [12] Wooldridge, "Introductory Econometrics: A Modern Approach, 2nd Ed", *South-Western College*, 2002.

(BBT nhận bài: 12/07/2016, phản biện xong: 03/08/2016)